

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 292, 293, 298, 299, 304, 307, 317, 318, 320, 322, khoản 7 Điều 323, 500 Bộ luật Dân sự; các Điều 99, 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 75/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H). Địa chỉ trụ sở chính: B N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Quang S – Chức vụ: Giám đốc H chi nhánh S1. Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Cẩm Thanh N – Phó phòng QHKHCN, bà Hoàng Uyên T – chuyên viên QHKHCN.

- *Bị đơn*: Anh Lò Văn C, sinh năm 1997, địa chỉ: Tổ C Q, phường T, tỉnh Sơn La.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện của nguyên đơn TMCP Phát triển Thành phố H (H) và bị đơn anh Lò Văn C tự nguyện thống nhất thoả thuận như sau:

Bị đơn anh Lò Văn Chính xác N1 có nợ và có trách nhiệm trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H) tính đến ngày 06/5/2026 là 196.862.422 đồng (*một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng*), trong đó: 152.317.831 đồng nợ gốc; 23.956.660 đồng nợ lãi và 20.587.931 đồng dư nợ thẻ tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 16618/23MB/HĐTD ngày 15/9/2023 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 811768406854 ngày 15/9/2023.

Anh Lò Văn C phải tiếp tục thanh toán nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ và thẻ tín dụng đã ký kết kể từ ngày 07/5/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật mà anh C không thanh toán đủ số tiền còn nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 32, địa chỉ tại Tổ C Q, phường T, tỉnh Sơn La - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL621125, số vào sổ cấp GCN VP00289 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 14/8/2023 cho anh Lò Văn C - Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16618/23MB/HĐBĐ (công chứng số 1258, Quyển số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/9/2023 tại Văn phòng C1, tỉnh Sơn La). (Đặc điểm hiện trạng theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Sơ đồ trích đo ngày 12/5/2026).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Lò Văn C đối với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H). Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H).

Về chi phí tố tụng: Anh Lò Văn C tự nguyện chịu chi phí tố tụng gồm chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm là 6.622.000 đồng (*sáu triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

Về án phí: Anh Lò Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.922.000 đồng (*bốn triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H) tạm ứng án phí đã nộp là 4.206.000 đồng theo biên lai thu số 0000105 ngày 19/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 1 – Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Đào Ngọc Hà

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố

trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).